UỶ BAN NHÂN DÂN **XÃ PHÚC TÂN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do- Hạnh phúc**

BIÊN BẢN

Niêm yết công khai kết quả thu- chi ngân sách quý I năm 2023 của UBND Xã Phúc Tân

Hôm nay, hồi 9 giờ 30 ngày 05 tháng 04 năm 2023, tại UBND Xã Phúc Tân gồm có:

1/ Đồng chí: Trần Như Ngọc - Q.Chủ tịch UBND .

2/ Đồng chí: Trần Văn Quốc - Chủ tịch UBMTTQ.

3/ Đồng chí: Nguyễn Văn Toản - Kế toán.

4/ Đồng chí: Nguyễn Xuân Dương - Văn phòng UBND

*/ **Nội dung:** Niêm yết công khai kết quả thu- chi ngân sách quý I năm 2023 của UBND Xã Phúc Tân với nội dung sau:

- Nội dung niêm yết: Biểu công khai số liệu kết quả thu- chi ngân sách quý I năm 2023 của UBND Xã Phúc Tân

(Có biểu kèm theo).

- Thời gian niêm yết bắt đầu kể từ ngày: 05/04/2023 đến hết ngày 05/05/2023

- Hình thức niêm yết: Dán niêm yết tại trụ sở UBND Xã Phúc Tân. Đăng tải trên cổng thông tin điện tử của xã. Thông báo trên hệ thống loa truyền thanh của xã

Biên bản lập xong hồi 10giờ 30 cùng ngày, đại diện những người có liên quan cùng thống nhất thông qua và ký tên dưới đây./.

NGƯỜI GHI BIÊN BẢN	**CHỦ TỊCH**
Nguyễn Xuân Dương	**Trần Như Ngọc**

ĐẠI DIỆN NHỮNG NGƯỜI DỰ HỌP

Kế toán	**Chủ tịch UBMTTQ**
Nguyễn Văn Toản	**Trần Văn Quốc**

UBND Xã: Phúc Tân

Biểu số 113/CK TC - NSNN

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ I NĂM 2023

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)	SO SÁNH (%)
A	B	1	2	3 = 2/1
I	**TỔNG SỐ THU**	**5.275.984.000**	**3.653.011.176**	**69,24**
1	Các khoản thu xã hưởng 100 %	35.000.000	19.413.000	55,47
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	45.900.000	17.024.734	37,09
3	Thu bổ sung	5.195.084.000	2.360.645.280	45,44
	- Bổ sung cân đối ngân sách	*4.945.084.000*	*1.500.000.000*	*30,33*
	- Bổ sung có mục tiêu	*250.000.000*	*860.645.280*	*344,26*
4	Thu chuyển nguồn		1.255.928.162	
II	**TỔNG SỐ CHI**	**5.275.984.000**	**1.822.494.131**	**34,54**
1	Chi đầu tư phát triển	250.000.000	250.000.000	100,00
2	Chi thường xuyên	4.926.924.000	1.572.494.131	31,92
3	Dự phòng	99.060.000		

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thuế, lệ phí Luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng dùng để phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã.

UBND Xã: Phúc Tân

Biểu số 114/CK TC - NSNN

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ QUÝ I NĂM 2023

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
	Tổng số thu	**5.289.584.000**	**5.275.984.000**	**3.669.830.825**	**3.653.011.176**	**69,38**	**69,24**
I	**Các khoản thu 100%**	**35.000.000**	**35.000.000**	**19.419.270**	**19.413.000**	**55,48**	**55,47**
1	Phí, lệ phí	5.000.000	5.000.000	1.745.000	1.745.000	34,90	34,90
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác						
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
4	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định			17.668.000	17.668.000		
5	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
6	Đóng góp của nhân dân theo quy định						
7	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
8	Thu khác	30.000.000	30.000.000	6.270		0,02	
II	**Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)**	**59.500.000**	**45.900.000**	**33.838.113**	**17.024.734**	**56,87**	**37,09**
1	Các khoản thu phân chia	34.000.000	34.000.000	12.972.658	7.531.204	38,15	22,15
1.1	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	30.000.000	30.000.000	2.299.150	2.299.150	7,66	7,66
1.2	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
1.3	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	4.000.000	4.000.000	2.900.000	2.900.000	72,50	72,50
1.4	Lệ phí trước bạ nhà, đất			7.773.508	2.332.054		
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	25.500.000	11.900.000	20.865.455	9.493.530	81,83	79,78
2.1	Thu tiền sử dụng đất						
2.2	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước						
2.3	Thuế tài nguyên						
2.4	Thuế giá trị gia tăng	17.000.000	11.900.000	14.131.381	9.493.530	83,13	79,78
2.5	Thuế thu nhập doanh nghiệp						
2.6	Thuế thu nhập cá nhân	8.500.000		6.734.074		79,22	
2.7	Thuế tiêu thụ đặc biệt						
III	**Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)**						
IV	**Thu chuyển nguồn**						
V	**Thu kết dư ngân sách năm trước**			**1.255.928.162**	**1.255.928.162**		

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
VI	**Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên**	**5.195.084.000**	**5.195.084.000**	**2.360.645.280**	**2.360.645.280**	**45,44**	**45,44**
1	Thu bổ sung cân đối	4.945.084.000	4.945.084.000	1.500.000.000	1.500.000.000	30,33	30,33
2	Thu bổ sung có mục tiêu	250.000.000	250.000.000	860.645.280	860.645.280	344,26	344,26

UBND Xã: Phúc Tân

Biểu số 115/CK TC - NSNN

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ I NĂM 2023

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)			SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX
A	B	1	2	3	4	5	6	7 = 4/1	8 = 5/2	9 = 6/3
	TỔNG CHI	**5.275.984.000**	**250.000.000**	**5.025.984.000**	**1.822.494.131**	**250.000.000**	**1.572.494.131**	**34,54**	**100,00**	**31,29**
	Trong đó:									
	Chi công tác dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội	600.000.000		600.000.000	167.302.133		167.302.133	27,88		27,88
1	Chi giáo dục									
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ									
3	Chi y tế									
4	Chi văn hóa, thông tin									
5	Chi phát thanh, truyền thanh									
6	Chi thể dục, thể thao									
7	Chi bảo vệ môi trường									
8	Chi các hoạt động kinh tế	250.000.000	250.000.000		250.000.000	250.000.000		100,00	100,00	
9	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	4.250.404.000		4.250.404.000	1.391.061.998		1.391.061.998	32,73		32,73
10	Chi cho công tác xã hội	76.520.000		76.520.000	14.130.000		14.130.000	18,47		18,47
11	Chi khác									
12	Dự phòng	99.060.000		99.060.000						
13	Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau									
	Nộp trả ngân sách cấp trên									